CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Đầu tư Điện lực 3

Ngày 30/09/2024	24,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.2%	**-9.5%**	**48.2%**

DT thuần
Q3/24
16.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.70| -9.0%
YoY: ▼0.50| -2.6%

LN thuần
Q3/24
-0.84
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.93| -177%
YoY: ▲ 1.74| 67.5%

LN sau thuế
Q3/24
-0.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.91| -172%
YoY: ▲ 1.17| 59.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
-0.9%
YoY: +/-▼ 9.8%

ROE (TTM)
Q3/24
7.4%
YoY: +/-▲ 0.6%

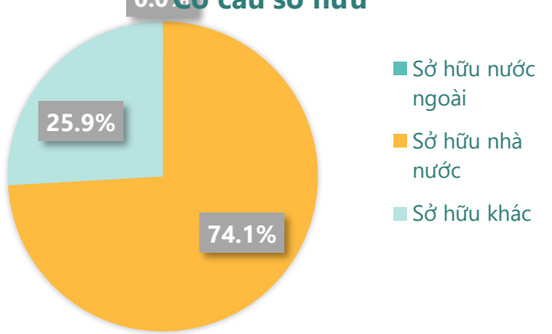
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,941 - 27,489
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	800
Số lượng CPLH (CP)	33,339,891
KLGD BQ 20 phiên (CP)	295
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.17
EPS	793
P/E	30.3

DT thuần
9T 2024
65.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼20.3| -23.6%

LN thuần
9T 2024
13.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼13.1| -50.1%

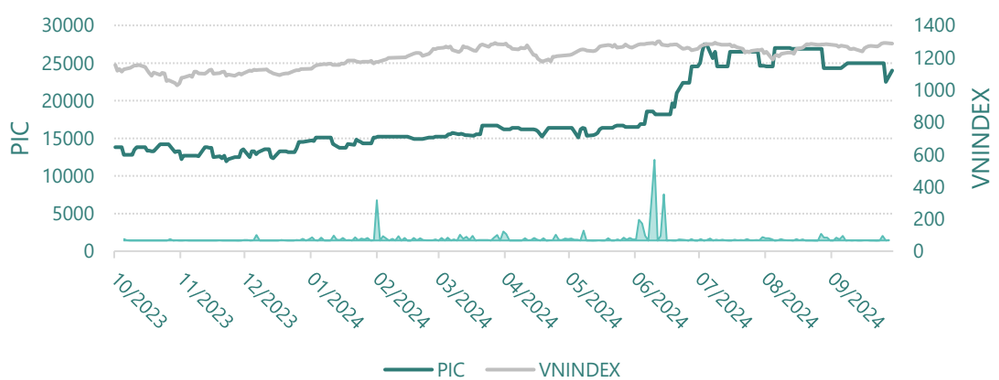
LN sau thuế
9T 2024
11.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.8| -50.3%

Cơ cấu sở hữu

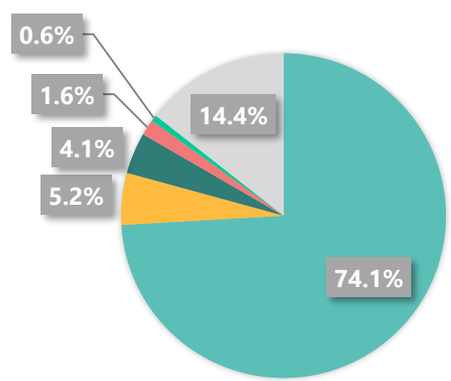


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

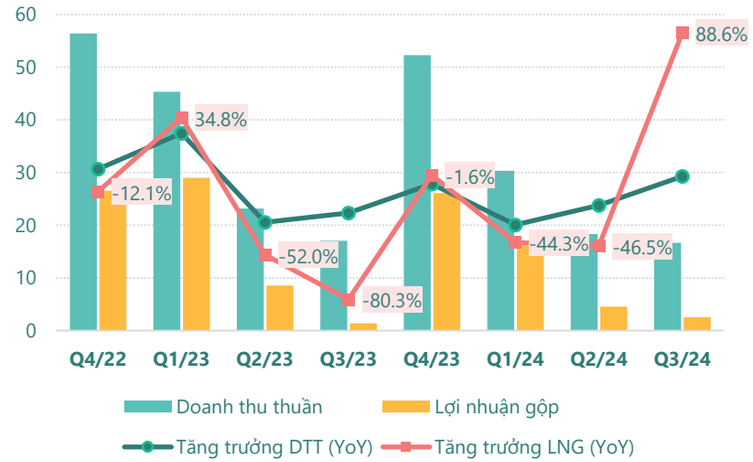


- Tổng Công ty điện lực miền Trung
- Ngân hàng TMCP An Bình
- CTCP Điện Lực Khánh Hòa
- Công ty TNHH Đại Hoàng Hà
- CTCP Tập đoàn Đầu tư Thương Mại Công Nghiệp Việt Á
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

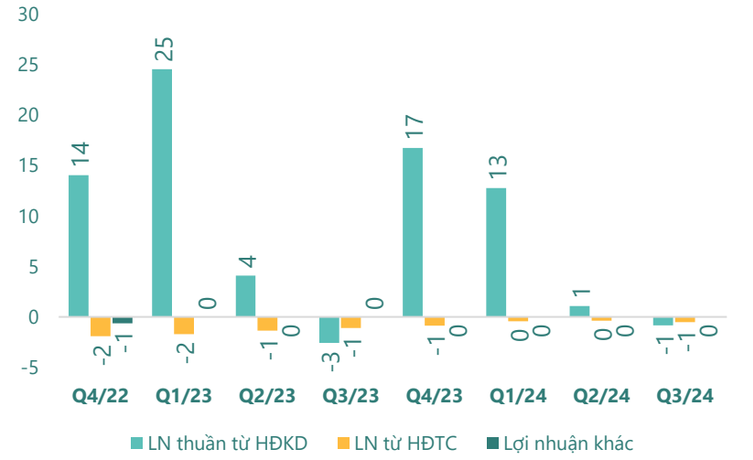
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



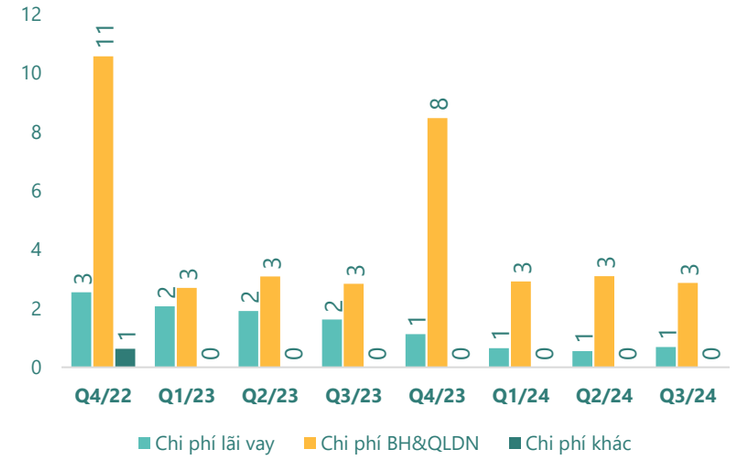
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



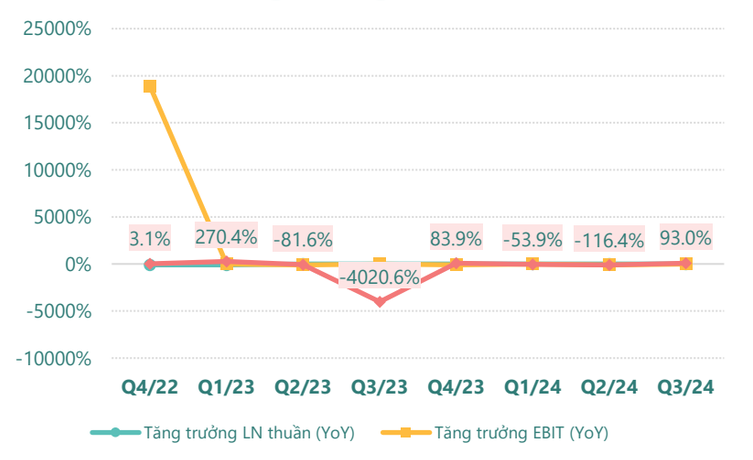
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



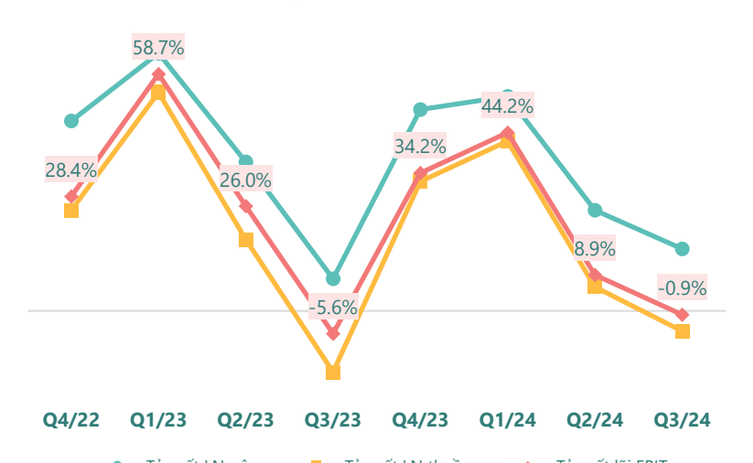
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



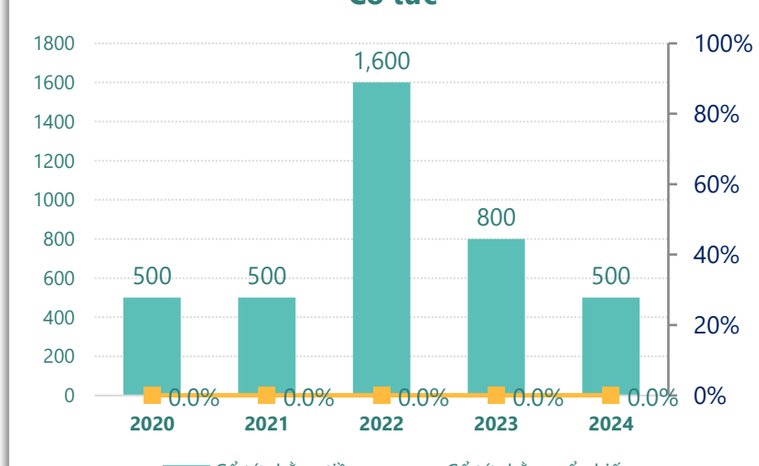
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

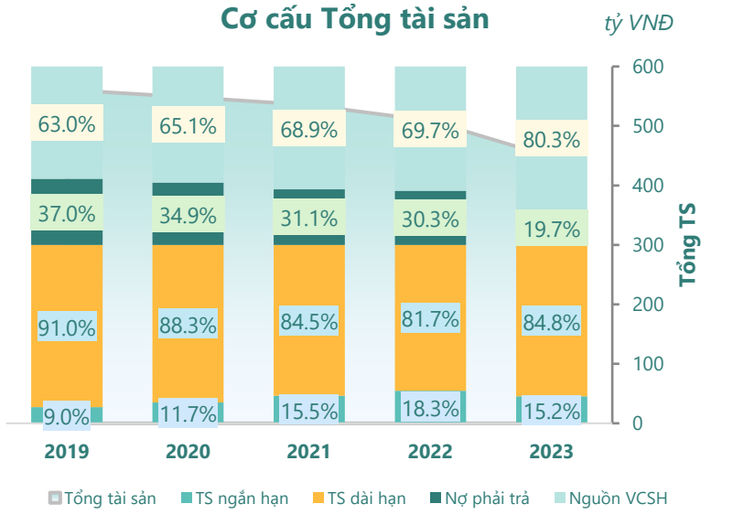
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

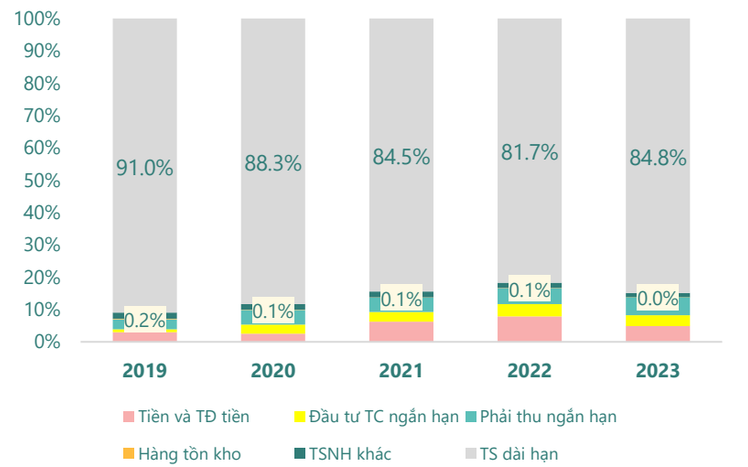
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



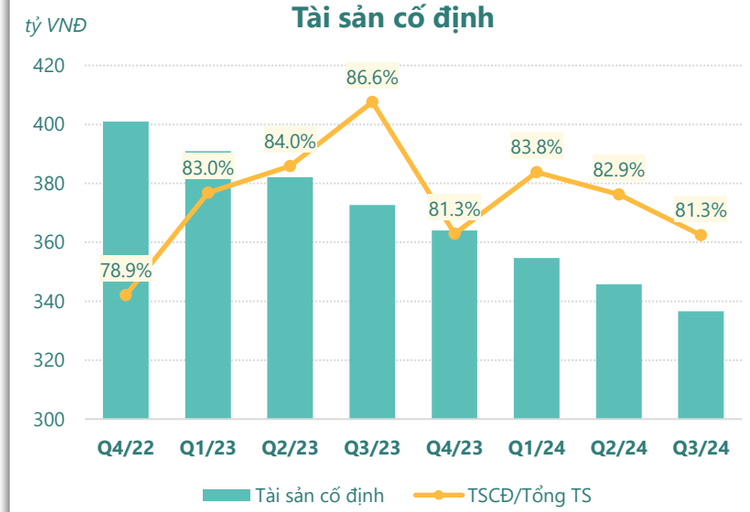
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



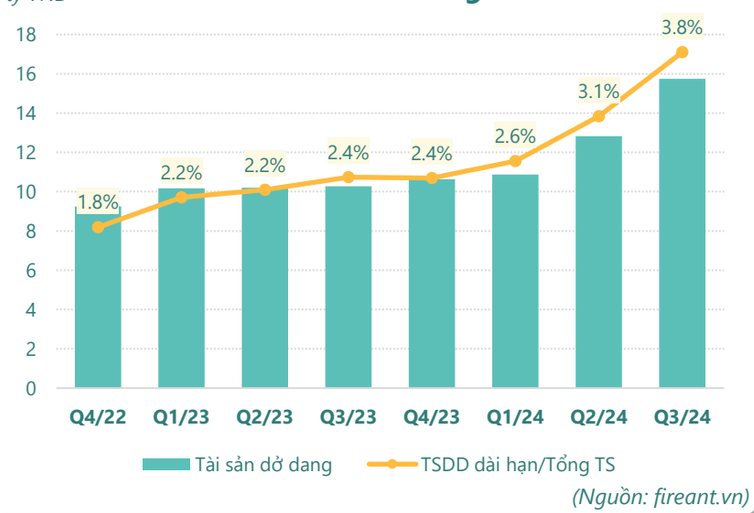
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



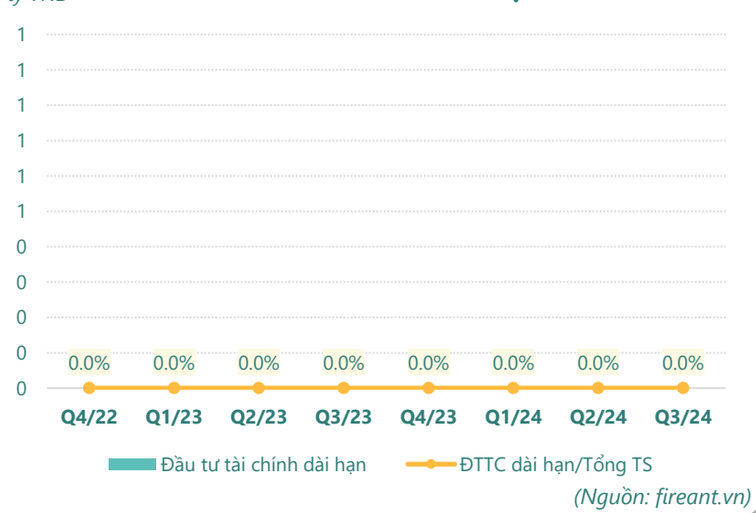
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



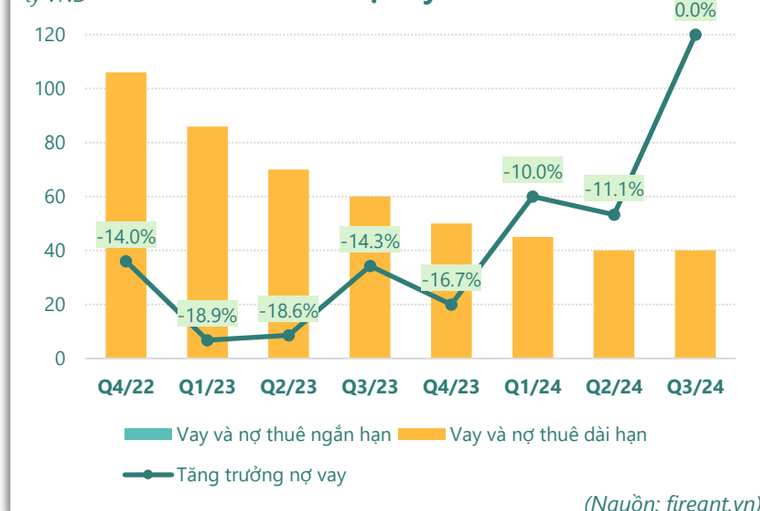
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

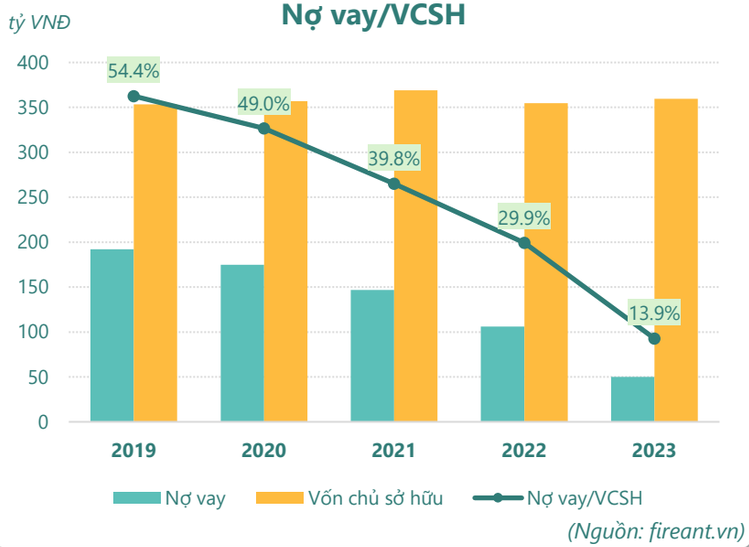
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

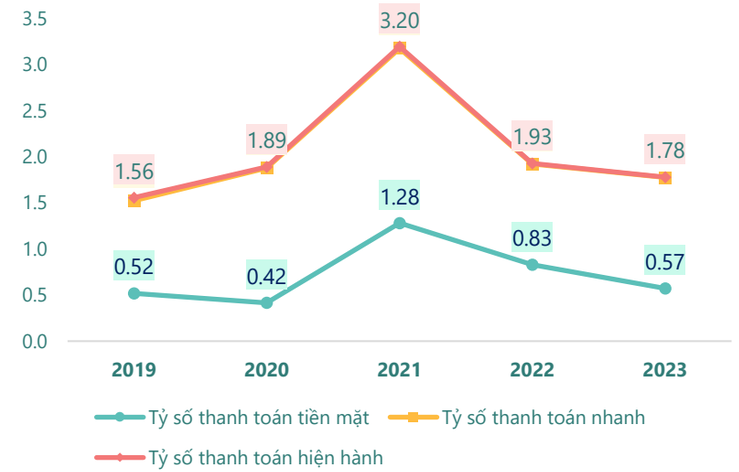
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



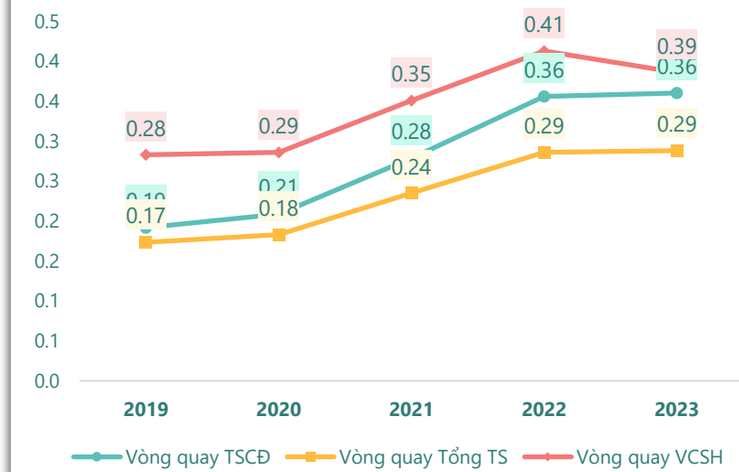
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



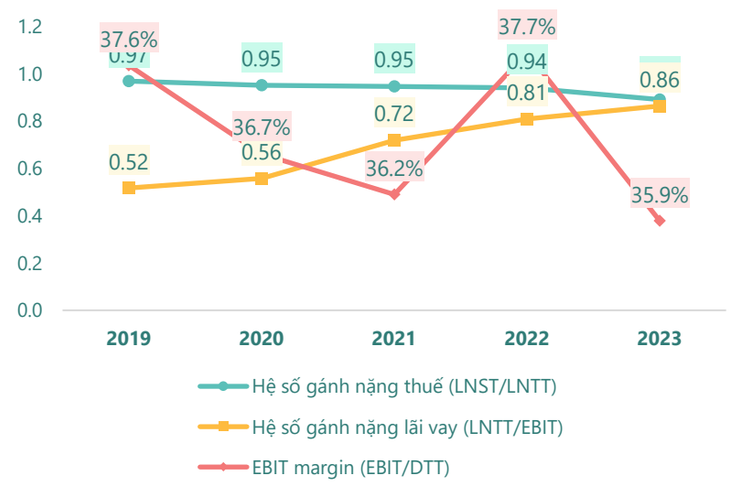
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



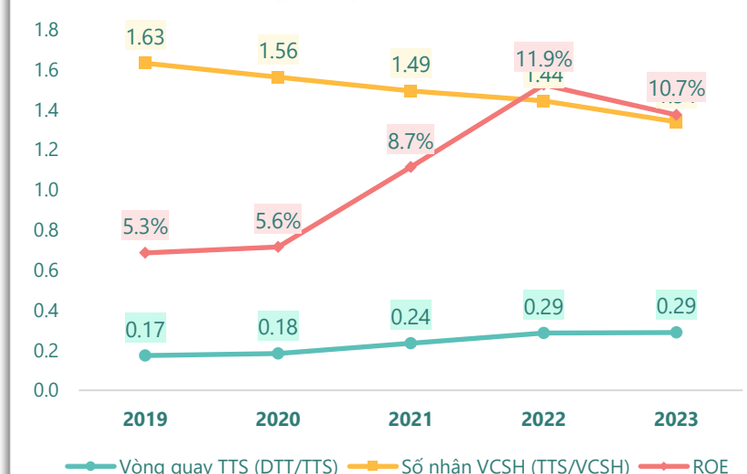
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



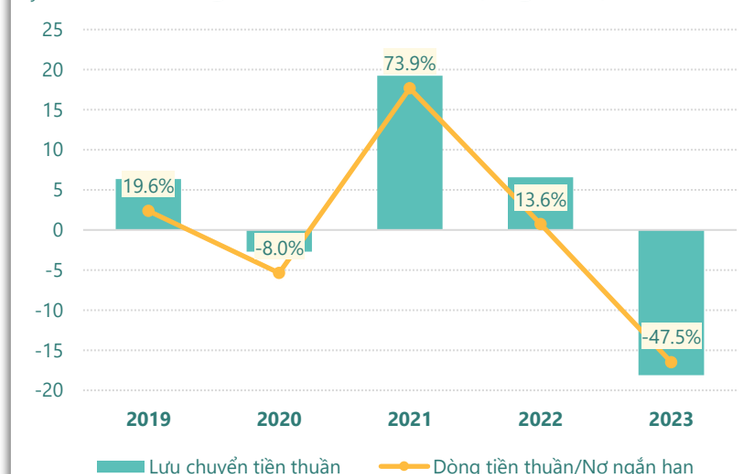
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**16.6**	**17.1**	**-2.6%**	**65.3**	**85.6**	**-23.6%**
Giá vốn hàng bán	14.1	15.7	-10.2%	42.1	46.7	-9.8%
Lợi nhuận gộp	2.56	1.36	88.1%	23.3	38.9	-40.1%
Doanh thu HĐTC	0.16	0.52	-70.0%	0.51	1.43	-63.9%
Chi phí TC	0.69	1.62	-57.7%	1.88	5.61	-66.5%
Chi phí lãi vay	0.69	1.62	-57.7%	1.88	5.61	-66.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.87**	**2.84**	**0.9%**	**8.89**	**8.62**	**3.1%**
LN thuần từ HĐKD	-0.84	-2.58	67.5%	13.0	26.1	-50.1%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.00**	**0.00**	**-343%**
LN trước thuế	-0.84	-2.58	67.5%	13.0	26.1	-50.1%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.80**	**-1.97**	**59.6%**	**11.6**	**23.4**	**-50.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.80**	**-1.97**	**59.6%**	**11.6**	**23.4**	**-50.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.5	11.4	24.3	14.2	16.4	1.01
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.92	1.65	-1.34	-1.82	-8.30	-9.79
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-16.0	-19.9	-10.0	-21.5	-5.07	-2.07
Tiền đầu kỳ	7.26	15.7	8.83	21.8	12.7	15.7
Lưu chuyển tiền thuần	**8.45**	**-6.87**	**13.0**	**-9.12**	**3.00**	**-10.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	15.7	8.83	21.8	12.7	15.7	4.83

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**414**	**448**	**-7.5%**
Tài sản ngắn hạn	56.3	67.8	-17.0%
Tiền và tương đương tiền	4.83	21.8	-77.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.0	15.0	13.3%
Phải thu ngắn hạn	26.9	25.2	6.8%
Hàng tồn kho	0.28	0.13	113%
Tài sản ngắn hạn khác	7.32	5.71	28.2%
Tài sản dài hạn	**358**	**380**	**-5.8%**
Phải thu dài hạn	0.52	0.78	-32.5%
Tài sản cố định	337	364	-7.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	15.7	10.6	47.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.90**	**4.29**	**14.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	65.1	88.1	-26.2%
Nợ ngắn hạn	**25.1**	**38.1**	**-34.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.43	0.86	-50.6%
Nợ dài hạn	40.0	50.0	-20.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	40.0	50.0	-20.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**349**	**359**	**-2.9%**
Vốn chủ sở hữu	**349**	**359**	**-2.9%**
Vốn điều lệ	333	333	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)